

của đoàn thể mà tham gia tích cực vào công tác tư pháp. Tuy nhiên, cần phải thận trọng trong việc mời hội thẩm nhân dân, không được gặp ai mời người ấy. Muốn chọn một người làm hội thẩm nhân dân huyện, cần chú ý những điều kiện chủ yếu sau đây:

Người được chọn phải có uy tín với nhân dân.

Người được chọn phải có khả năng tham gia một cách tích cực vào việc hòa giải hoặc xét xử. Tốt hơn hết là nên mời những ủy viên các ban chấp hành các đoàn thể ở xã hiểu biết nhiều về việc kiện, có thể tham gia được nhiều ý kiến bổ ích trong việc giải quyết vụ kiện.

Tòa án nhân dân huyện nên bố trí những phiên hòa giải hoặc xét xử vào những ngày nhất định, tập trung nhiều việc của một xã hoặc một vùng vào một ngày để đỡ phải mời hội thẩm nhân dân trong nhiều vụ lẻ tẻ. Mỗi khi mời hội thẩm nhân dân, thẩm phán tòa án nhân dân huyện phải giải thích cho hội thẩm nhân dân rõ nhiệm vụ và quyền hạn của họ, trình bày cho họ rõ nội dung của việc kiện và hướng dẫn họ về lẽ lối làm việc.

Khi có chủ trương bầu lại các Hội đồng nhân dân xã, Bộ sẽ có thông tư cho các Ủy ban Hành chính và Tòa án nhân dân các cấp về việc bầu hội thẩm nhân dân cho Tòa án nhân dân huyện.

Hà nội ngày 23 tháng 11 năm 1957,

Bộ trưởng Bộ Tư pháp

VŨ ĐÌNH HÒE

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

THÔNG TƯ số 7-PH/TT ngày 30-9-1957 về việc cất giữ, mua bán, vận chuyển và gia công chế biến đồ bằng vàng bạc.

Đề thi hành sắc luật số 001 — SLT ngày 19-4-1957 và thực hiện đầy đủ nghị định về quản lý vàng bạc số 631-TTg ngày 13-12-1955 của Thủ tướng Chính phủ, nay Ngân hàng Quốc gia Việt nam quy định các thể lệ cụ thể thi hành trong phạm vi toàn quốc như sau:

I. — MUA, BÁN VÀNG BẠC.

Điều 1. — Mọi người đều có quyền tự do cất giữ vàng bạc, không hạn chế số lượng nhiều hay ít.

Người nào muốn mua hoặc muốn bán vàng bạc trong những trường hợp sau đây đều phải xin phép Ngân hàng Quốc gia hoặc cơ quan được

Ngân hàng Quốc gia ủy nhiệm tại địa phương mình ở:

— Mua hay bán vàng bất cứ loại vàng gì và bất cứ số lượng nhiều hay ít;

— Mua hay bán bạc bất cứ loại bạc gì (trừ bạc hoa xòe đã cấm lưu hành và tàng trữ ở miền xuôi), nếu số lượng quá một lạng (lạng ta = 37 gr 5).

Điều 2. — Đối với người mua cũng như người bán, sau khi Ngân hàng Quốc gia hoặc cơ quan được Ngân hàng Quốc gia ủy nhiệm xét thấy lý do xin mua bán là chính đáng, cấp cho giấy phép đến hiệu đã được phép kinh doanh vàng bạc để mua hoặc bán. Nếu không sử dụng giấy phép, phải trả lại cho cơ quan cấp, không được chuyển nhượng cho người khác.

Điều 3. — Đối với các cửa hiệu hiện đang được phép mua, bán vàng bạc, chỉ được mua hay bán với những người có giấy phép mua hay bán vàng bạc.

Giữa hai cửa hiệu vàng bạc, muốn mua hay bán vàng bạc với nhau, cả hai bên đều phải đến xin phép Ngân hàng Quốc gia.

Điều 4. — Những cơ quan, xí nghiệp Nhà nước có vàng bạc, không được cất giữ, phải nộp cho Ngân hàng Quốc gia bảo quản hoặc bán cho Ngân hàng Quốc gia.

Cơ quan, xí nghiệp cần mua vàng bạc để dùng vào khoa học, kỹ thuật, y học hay làm huấn chương, kỷ niệm v.v... phải có kế hoạch dự trữ, được cấp Trung ương cơ quan ấy duyệt và được Ngân hàng Quốc gia xét và cung cấp.

Điều 5. — Người cư trú trong tỉnh hoặc thành phố này không được sang tỉnh hoặc thành phố khác mua hay bán vàng bạc, trừ những trường hợp đặc biệt như sau:

— Trong tỉnh hoặc thị xã mình ở không có các tổ chức được phép mua hay bán vàng bạc,

— Địa phương cư trú của mình tuy thuộc tỉnh này, nhưng ở gần tỉnh lỵ của tỉnh bên cạnh,

Thì có thể xin Ngân hàng hoặc Ủy ban Hành chính xã (trường hợp ở xa hay không có các tổ chức của Ngân hàng) xét và cấp giấy giới thiệu đến Ngân hàng tỉnh khác để xin giấy phép mua hay bán vàng bạc.

II. — KINH DOANH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VÀNG BẠC

Điều 6. — Tất cả những nghề nghiệp nào từ mua hay bán, sửa chữa cho đến gia công chế biến đồ tư trang, đồ mỹ nghệ, đồ dùng bằng vàng bạc hoặc ít nhiều phải dùng đến vàng bạc, như: hiệu vàng

hạc, hiệu trồng răng, hiệu mạ vàng bạc, hiệu làm vàng quý, đều phải chịu sự quản lý của Ngân hàng Quốc gia.

Điều 7. — Các hiệu trồng răng, hiệu mạ vàng bạc, hiệu làm vàng quý từ nay phải kê khai và mở sổ sách theo thể lệ quản lý vàng bạc. Những cửa hiệu này không được trực tiếp mua vàng bạc của khách hàng; khi cần nguyên liệu vàng bạc dùng trong nghề thì đến Ngân hàng xin phép, Ngân hàng xét và cấp giấy đến các cửa hiệu vàng bạc chỉ định mà mua.

Điều 8. — Những hoạt động kinh doanh của các hiệu vàng bạc, hiệu làm công sửa chữa và chế biến vàng bạc, hiệu mạ vàng bạc và hiệu làm vàng quý đều phải có chương trình kế hoạch hàng tháng, hàng quý, nộp Ngân hàng Quốc gia.

Người đăng ký kinh doanh phải chịu mọi trách nhiệm về việc thực hiện thể lệ quản lý kinh doanh của Nhà nước. Khi không hoạt động nữa thì phải nộp giấy đăng ký cho Ngân hàng đã cấp và không được chuyển nhượng cho người khác bất cứ dưới hình thức nào, mặc dù người ấy là thân thuộc.

Điều 9. — Các cửa hiệu vàng bạc, sửa chữa, gia công chế biến đồ tư trang, đồ mỹ nghệ hoặc đồ dùng bằng vàng bạc đều phải chịu trách nhiệm với khách hàng của mình về trọng lượng và chất lượng của món hàng đã bán hoặc sửa chữa gia công chế biến cho khách hàng. Do đó, những món hàng bán hoặc gia công chế biến ra, ngoài việc ghi rõ trọng lượng, chất lượng trong hóa đơn, còn phải đóng trên món hàng đó dấu hiệu riêng của cửa hiệu mình và chất lượng của món hàng đó. Mỗi khi phát hiện điều gì không đúng thì người ấy phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Mẫu những dấu hiệu riêng phải đăng ký trước tại Chi nhánh Ngân hàng và Tòa án hay Ủy ban Hành chính tỉnh nơi mình ở.

Điều 10. — Cũng như các hàng hóa khác, những đồ mỹ nghệ vàng bạc bán ở các cửa hiệu phải niêm yết giá công khai. Giá mua vàng bạc và giá nhận làm công các loại hàng bằng vàng bạc đều phải khai trình ở Ngân hàng nơi mình ở.

III. — VẬN CHUYỂN VÀNG BẠC

Điều 11. — Người thường dùng và mang tư trang (không có tính chất gian lận) từ một lạng vàng (lạng ta = 37gr 5) hoặc 8 lạng bạc trở xuống trong phạm vi kiểm soát của Chính phủ nước Việt nam dân chủ cộng hòa đều không phải xin phép. Nếu ai mang tư trang quá một lạng vàng hoặc 8 lạng bạc, đi từ tỉnh này sang tỉnh khác, phải xin phép Ngân hàng Quốc gia hoặc Ủy ban

Hành chính huyện ở nơi đi và trình giấy phép tại Ngân hàng Quốc gia hay cơ quan được Ngân hàng Quốc gia ủy nhiệm ở nơi đến.

IV. — XUẤT NHẬP KHẨU VÀNG BẠC

Điều 12. — Cấm hẳn việc xuất khẩu vàng bạc, trừ trường hợp được Ngân hàng Quốc gia Việt nam cho phép.

Điều 13. — Ai nhập khẩu vàng bạc từ nước ngoài vào, khi tới cửa khẩu phải xuất trình với Hải quan hoặc Ngân hàng kiểm soát và cấp giấy phép cho mang vào.

Điều 14. — Vì hoàn cảnh đặc biệt hiện nay, đối với miền Nam Việt nam tạm thời áp dụng các điều khoản 12 và 13.

Chi tiết về xuất nhập khẩu vàng bạc đã có thể lệ ghi trong điều lệ quản lý ngoại hối hiện hành.

V. — ĐỐI VỚI VÙNG ĐỒNG BẢO THIỂU SỐ

Điều 15. — Về quản lý vàng thi áp dụng tất cả các thể lệ trên đây chung cho toàn quốc, kể cả vùng đồng bào thiểu số.

Riêng về bạc thì trong một số vùng ở miền ngược, đồng bào thiểu số có phong tục tập quán còn dùng bạc nén hoặc bạc hoa xòe để tiêu dùng ma chay, lễ bái v.v... cho nên tùy hoàn cảnh từng vùng trong từng địa phương miền ngược, tạm thời được phép cất giữ bạc hoa xòe, tiêu dùng bạc nén và bạc hoa xòe trong nội bộ dân tộc thiểu số với nhau theo phong tục tập quán. Ngân hàng Quốc gia cùng với các Khu tự trị và các tỉnh có đồng bào thiểu số sẽ nghiên cứu quy định cụ thể riêng.

Điều 16. — Thông tư này quy định rõ thêm biện pháp cụ thể để thi hành trong toàn quốc các điều khoản của nghị định số 631-TTg ngày 13-12-1955 của Thủ tướng Chính phủ và bắt đầu thi hành từ ngày công bố.

Những điểm nào đã quy định trước đây trong các thông tư, thông cáo của Ngân hàng Quốc gia trái với những điểm quy định trong thông tư này thì coi như hủy bỏ.

Điều 17. — Ai làm trái với những điều quy định trên đây đều coi là phạm pháp và sẽ bị xử lý theo điều 8 của nghị định Thủ tướng phủ số 631-TTg ngày 13-12-1955.

Hà nội, ngày 30 tháng 9 năm 1957

Tổng Giám đốc

Ngân hàng Quốc gia Việt nam

LÊ VIẾT LƯỢNG